

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn N 2, xã Q, huyện Q, tỉnh T

Bị đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T 1, xã X, huyện T, tỉnh T.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn N và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/3/2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn N và chị Đỗ Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn N: Anh Lê Văn N và chị Đỗ Thị N tự nguyện thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Anh Lê Văn N và chị Đỗ Thị N có 01 con chung là cháu Lê Cẩm U , sinh ngày 29/3/2019

Hai bên thống nhất thỏa thuận:

Chị Đỗ Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Cẩm U , sinh ngày 29/3/2019. Anh Lê Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu U mỗi tháng là 2.000.000đ kể từ tháng 3/2024 cho đến khi cháu U thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Lê Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản và công nợ chung: Tài sản và công nợ chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận: Anh Lê Văn N chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn là 150.000đ và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005004 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Lê Văn N đã nộp đủ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P.kiểm tra nghiệp vụ và THA TAND tỉnh T;
- Đương sự;
- UBND xã Q, huyện Q, tỉnh T
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng